THUYẾT MINH
CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NỘI DUNG TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SỮA CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI NGƯỜI DÂN TỘC MẢNG, LA HỦ TẠI 09 XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

Stt	Nội dung	Cơ sở đề xuất
1	**Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng** **1. Phạm vi điều chỉnh** Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em từ 06 tháng đến dưới 6 tuổi người dân tộc Mảng, La Hủ trong giai đoạn 2027-2030. Chính sách được thực hiện tại 9 xã: Pa Ủ, Mường Tè, Thu Lũm, Hua Bum, Bum Tở, Nậm Hàng, Lê Lợi, Pa Tần, Bum Nưa.	- Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lai Châu về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Mảng, La Hủ giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 4089/KH-UBND ngày 25/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Xác định rõ mục tiêu đối với giáo dục **"9/9 xã có người dân tộc Mảng, La Hủ sinh sống duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường đạt 99,8%". Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi thể thấp còi xuống dưới 17%.** - Tại mục 6 (trang 10, 11), Kế hoạch số 4089/KH-UBND ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh giao: Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính, các Sở, ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em dưới 6 tuổi để nâng cao thể trạng cho các em.
	2. Đối tượng áp dụng a) Trẻ em từ 6 tháng đến dưới 6 tuổi, tính đến thời điểm hưởng chính sách, là người dân tộc Mảng hoặc La Hủ, có hộ khẩu thường trú hoặc cư trú hợp pháp trên địa bàn 09 xã quy định tại khoản 1 Điều này. b) Cơ sở giáo dục mầm non công lập có trẻ em thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này. c) Các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách	- Thông tư 38/2016/TT-BYT: yêu cầu cơ sở khám chữa bệnh thực hiện "Mười điều kiện nuôi con bằng sữa mẹ", trong đó nêu rõ: *"bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu"* và không nuôi trẻ dưới 6 tháng bằng thức ăn, nước uống ngoài sữa mẹ, trừ khi có chỉ định y tế - Quyết định 318/QĐ-BYT ngày 30/01/2026 tiếp tục khẳng định: trẻ cần được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu, sau đó bắt đầu ăn bổ sung khi tròn 6 tháng **tại mục 3 của Quyết định 318.** Do đó Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất ban hành chính sách hỗ trợ sữa cho trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên đến dưới 6 tuổi để đảm bảo phù hợp với các khuyến nghị của Bộ Y tế.

2	**Điều 2. Nội dung, thời gian và định mức hỗ trợ** Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 được hỗ trợ sữa với định mức hỗ trợ: 190.000 đồng/trẻ/tháng, trong 09 tháng/năm.	- Theo khuyến nghị sử dụng sữa và các chế phẩm từ sữa cho người Việt Nam của Viện Dinh dưỡng Quốc gia – Bộ Y tế năm 2016, sữa và các chế phẩm từ sữa là một trong những thực phẩm góp phần bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em; nhu cầu sử dụng cần phù hợp với độ tuổi và chế độ ăn của trẻ. Do đó, chính sách quy định hỗ trợ sữa, đồng thời yêu cầu chủng loại, quy cách, thành phần dinh dưỡng và tiêu chuẩn chất lượng tuân thủ quy định hiện hành, phù hợp từng nhóm tuổi. - Kế hoạch số 4089/KH-UBND ngày 25/5/2026 dự kiến tổng kinh phí hỗ trợ sữa trong giai đoạn là 12.555.000.000 đồng. Theo số liệu rà soát, tổng số lượt trẻ dự kiến thuộc diện thụ hưởng trong cả giai đoạn là 7.590 lượt (năm 2027: 2.017 lượt; năm 2028: 1.930 lượt; năm 2029: 1.844 lượt; năm 2030: 1.799 lượt), tổng kinh phí 12.978.900.000 đồng *(Mười hai tỷ, chín trăm bảy mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)*. Định mức hỗ trợ = 190.000 đồng/trẻ/tháng. - Trên cơ sở chủ trương hỗ trợ trong 9 tháng/năm học và tổng kinh phí dự kiến nêu trên, mức hỗ trợ bình quân được xác định theo số lượt trẻ và thời gian hỗ trợ thực tế. Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết đề xuất mức 190.000 đồng/trẻ/tháng, trong 09 tháng/năm học. Mức hỗ trợ này được sử dụng để mua sữa cấp cho trẻ, không phải khoản tiền chi trả trực tiếp cho gia đình. Khi hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền, cần bảo đảm dự toán tổng kinh phí tương ứng với mức hỗ trợ, số lượt trẻ và thời gian hỗ trợ; trường hợp tổng kinh phí tính theo định mức cao hơn mức dự kiến tại Kế hoạch số 4089/KH-UBND thì cần thuyết minh, rà soát và xác định nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện.
3	**Điều 3. Kinh phí và phương thức hỗ trợ** 1. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sữa được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức thực hiện chính sách. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức mua sữa, tiếp nhận, bảo quản và cấp phát sữa cho trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng theo đúng đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, chất lượng và thời gian hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Căn cứ danh sách trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng được xác định theo quy định tại Nghị quyết này, việc cấp phát sữa	- Kinh phí thực Kế hoạch số 4089/KH-UBND ngày 25/5/2026 của UBND tỉnh: Tại mục 1. Hỗ trợ sữa cho trẻ em dân tộc Mảng, La Hủ (Thuộc mục B). - Việc tổ chức hỗ trợ thông qua cơ sở giáo dục mầm non và hệ thống y tế cấp xã, đồng thời có sự điều phối, theo dõi của UBND cấp xã, phù hợp với đặc điểm quản lý trẻ em ở từng

	được thực hiện như sau: a) Đối với trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng chưa đi học tại cơ sở giáo dục mầm non, sữa được cấp phát cho cha, mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng, người giám hộ của trẻ thông qua cơ sở y tế trên địa bàn hoặc đầu mối được Ủy ban nhân dân cấp xã phân công thực hiện; việc cấp phát phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng định mức và phù hợp với độ tuổi của trẻ; b) Đối với trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, sữa được cấp phát tại cơ sở giáo dục mầm non nơi trẻ đang học để tổ chức sử dụng cho trẻ theo quy định; c) Trường hợp trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng thay đổi nơi cư trú, chuyển cơ sở giáo dục hoặc có thay đổi khác làm ảnh hưởng đến việc thụ hưởng chính sách, việc cấp phát sữa được thực hiện theo tình trạng thực tế của trẻ tại thời điểm cấp phát, bảo đảm không cấp trùng và không bỏ sót đối tượng. 3. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập, quản lý và cập nhật danh sách trẻ em thuộc đối tượng thụ hưởng; tổ chức cấp phát, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện chính sách; bảo đảm việc mua sữa, tiếp nhận, bảo quản, cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo đúng quy định của pháp luật. 4. Việc hỗ trợ được thực hiện bằng sữa theo định mức quy định tại Nghị quyết này; không thực hiện chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng hình thức khác thay thế sữa.	nhóm độ tuổi: trẻ đang học tại cơ sở giáo dục mầm non được tiếp nhận và sử dụng sữa tại trường; trẻ chưa đi học, nhất là trẻ từ đủ 6 tháng tuổi và trẻ trong độ tuổi nhà trẻ chưa đến cơ sở giáo dục, được rà soát và hỗ trợ thông qua UBND cấp xã hoặc đơn vị được giao phối hợp với gia đình. - Phương thức này tạo điều kiện rà soát danh sách, xác định đúng đối tượng, hạn chế bỏ sót hoặc hỗ trợ trùng; đồng thời thuận lợi cho việc tiếp nhận, bảo quản, cấp phát, theo dõi việc sử dụng sữa và tổng hợp kết quả thực hiện. Quy định hỗ trợ bằng sữa, không hỗ trợ bằng tiền mặt thay cho sữa, nhằm bảo đảm nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, trực tiếp phục vụ việc bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em.